

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **122/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/12/2021

*“V/v tranh chấp: Xin ly hôn
và nuôi con chung”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà

2. Bà Phan Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Quốc Cường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Kiên Lương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị N** – sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố K, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Đào Quốc T** – sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố K, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 23/3/2021, các phiên hòa giải và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị N trình bày:

Chị Hồ Thị N và anh Đào Quốc T kết hôn vào năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang và được

cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/4/1997. Quá trình chung sống giữa chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không thành, hiện nay đã không còn sống chung. Do mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị khởi kiện yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Đào Quốc T;

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đào Gia P, sinh ngày 20/5/1998 và Đào Gia L, sinh ngày 16/6/2003, chị N xin được nuôi dưỡng cháu Đào Gia L không yêu cầu cấp dưỡng, đối với cháu Đào Gia P đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2021 bị đơn anh Đào Quốc T trình bày:

Anh và chị Hồ Thị N kết hôn vào năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/4/1997.

Vợ chồng anh chị hiện nay đã hết tình cảm, sống chung không còn hạnh phúc. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn thì anh có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Hồ Thị N.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Đào Gia P, sinh ngày 20/5/1998 và Đào Gia L, sinh ngày 16/6/2003, anh T đồng ý giao cháu Đào Gia L cho chị N nuôi dưỡng anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu, đối với cháu Đào Gia P đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T xin thời gian 10 ngày để thu thập chứng cứ chứng minh nguồn gốc tài sản để yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án bị quá hạn, cần rút kinh nghiệm trong thời gian tới.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hồ Thị N, chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Đào Quốc T vì

giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, hai người không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và hiện anh T đã bỏ đi khỏi địa phương; Về con chung hai cháu Đào Gia P, sinh ngày 20/5/1998 và Đào Gia L, sinh ngày 16/6/2003 hiện đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung chị N không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Đào Quốc T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về nội dung vụ án: Anh T và chị N tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng kết hôn theo đúng quy định pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thấy rằng: Theo bản tự khai ngày 06/5/2021, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị N và cũng thừa nhận vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn với nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã nhiều lần mời hòa giải nhằm hàn gắn cho anh chị nhưng anh T không đến Tòa án để hòa giải, thể hiện anh T không muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị N. Do đó yêu cầu xin ly hôn với anh T của chị N là có căn cứ nên Tòa án áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 xem xét chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Giữa chị N và anh T có 02 người con chung là Đào Gia P, sinh ngày 20/5/1998 và Đào Gia L, sinh ngày 16/6/2003. Cháu Đào Gia P đã trưởng thành nên không xem xét. Tuy nhiên đối với cháu Đào Gia L tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì cháu L chưa đủ tuổi nhưng hiện nay Tòa án tiến hành xét xử vụ án thì cháu L đã đủ tuổi trưởng thành nên cũng không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh T tại bản tự khai ngày 06/5/2021 (BL 24) anh T xin thời gian 10 ngày để anh làm thủ tục yêu cầu chia tài sản chung tuy nhiên hết thời gian 10 ngày anh T không có đơn yêu cầu chia tài sản. Tòa án đã ra Thông báo số 36/TB-TA ngày 27/5/2021 (BL 29) yêu cầu anh T thực hiện thủ tục phản tố (chia tài sản chung) để Tòa án giải quyết và đã tiến hành niêm yết thông báo cho anh T theo quy định nhưng hết thời gian niêm yết anh T vẫn không làm đơn nên Tòa án không xem xét. Khi nào anh T có yêu cầu sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung và cho vay nợ: Hai bên thống nhất không có nợ chung và không cho ai vay nợ không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị N, cho chị Hồ Thị N được ly hôn với anh Đào Quốc T.

- Về con chung: Hai con chung của chị N và anh T đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên thống nhất không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên không xem xét.

2. **Về án phí:** Căn cứ vào khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị Hồ Thị N yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0008929 ngày 06/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Hồ Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/12/2021). Anh Đào Quốc T được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành Án DS h. Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Minh